

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **188/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/4/2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Thuần;

2. Ông Nguyễn Trung Trực;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên;

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp NT, xã TBT, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp NT, xã TBT, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh S qua tìm hiểu và tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TBT số 018, quyền số 01 ngày 24/9/2001. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã nhau thường xuyên, tính tình vợ chồng không hợp với nhau do anh S không chăm lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, chị đã khuyên anh S rất nhiều lần nhưng anh S không thay đổi, vợ chồng hiện đã ly thân với nhau từ tháng 12/2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh H1, sinh năm 2000 và Nguyễn Trần Trâm A, sinh năm 2013 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Trâm A, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án về việc chị H xin ly hôn với anh S.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử đúng qui định pháp luật tố tụng;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng chị H đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận và kết luận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị Trần Thị Kim H tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Kim H và anh Nguyễn Minh S qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TBT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 24/9/2001 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S theo qui định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim H đối với anh Nguyễn Minh S; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị H xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến xung đột, có nhiều mâu thuẫn, anh S không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên đánh đập chị H. Chị H khai đã khuyên anh S nhiều lần để anh S sửa đổi nhưng anh S vẫn không thay đổi nên hiện tại mâu thuẫn giữa anh chị rất trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung, đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được, chị H kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Phía anh S

đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S vẫn không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của chị H, điều đó cho thấy anh S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị H nên cần xem xét cho chị H ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh H1, sinh ngày 26/01/2000 và Nguyễn Trần Trâm A, sinh ngày 07/01/2013 hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu H1 đã trưởng thành, lao động được nên chị không có yêu cầu gì.

Xét yêu cầu nuôi con chung là cháu Trâm A của chị H là có căn cứ vì hiện cháu A đang sống chung với chị H, xét thấy cần để ổn định cuộc sống cho cháu và theo ý chí nguyện vọng của cháu A muốn sống với chị H nên tiếp tục giao cháu A cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu;

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim H đối với anh Nguyễn Minh S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Minh S;

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Trần Trâm A, sinh ngày 07/01/2013 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S đến khi chị H có yêu cầu.

Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004400 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án họp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tân Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ

NGUYỄN THỊ MỸ LIL